Tham luận
Chủ đề: Đời sống đạo đức
Tác giả: Trần Xuân Thời

Luận về Đời Sống Đạo Đức qua Thần học và Triết học

"*Những nguyên tắc để suy tư và tiêu chuẩn để phán đoán*"

I. Nhập đề

1. Thượng Đế hay Thiên Chúa đã tạo dựng nên vũ trụ và nhân loại và cho nhân loại sử dụng mọi sinh, thực, khoáng vật trên thế trần để xây dựng cuộc sống hạnh phúc đời đời, kiếp kiếp. Nhưng tổ tông của nhân loại đã sa ngã, phản lỗi nghĩa cùng Thiên Chúa. (Genesis 3). Tội bất tuân Thiên lệnh và ăn trái cấm là tử tội (mortal sin) mà hậu quả di hại đến đời sống của nhân loại. Con người thì yếu đuối, dễ bị cám dỗ, nên sa ngã. Tuy nhiên, có luân lý ràng buộc nhưng nếu không có tự do lựa chọn thì nhân loại không thể chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Vì thế, hễ có luật cấm thì cũng có tự do lựa chọn làm lành, lánh dữ hay ngược lại. "There can be no morality without freedom. It is only in freedom that man can turn to what is good".

2. Thiên Chúa có thể ngăn cản ông A–Dong và bà E–va sa ngã, nhưng vì tôn trọng **ý chí tự do** (free will) mà Chúa đã ban cho nhân loại nên không ra tay cấm đoán. "God left man in the power of its own counsel" (Sirach 15:14). "God could have easily compelled Adam and Eve to conform to His command, but He didn't. Even though He knew they were making a bad decision, He respected their freedom enough to allow them to make it. The freedom to do good implies the freedom to reject the good." (Gaudium es Spes. 11).

3. Vì có sự lựa chọn, nên tự do có thể phân ra hai loại: Tự do chân chính là tự do làm việc chính trực và tự do giả hình là tự do làm điều bất chính. Tự do chân chính là tự do chọn lành, lánh dữ là loại tự do biểu hiện ý Trời trong lòng người. "Genuine freedom is an outstanding manifestation of the divine image in man. For God willed to leave man in the power of his own counsel." (Sirach 15:14) (VS 34). Vì không chọn tự do chân chính, tổ tông nhân loại đánh mất bản tính trường sinh, bất tử mà phải chịu đựng mọi gian khổ kể cả sinh, lão, bệnh, tử về thể xác và khi chết, linh hồn cũng không được cứu rỗi.

4. Thiên Chúa tạo ra vũ trụ và nhân loại như một tuyệt tác. Mặc dù, nhân loại sa ngã nhưng Thiên Chúa không muốn huỷ hoại tuyệt tác đó vì lòng thương yêu của Ngài đối với nhân loại. Ngài là Đấng Công Chính, nghĩa là phải đối xử công bằng, có công thì thưởng và có tội thì phạt, để duy trì trật tự cho vũ trụ (moral order of the universe). Một mặt giữ tư thế công chính, thưởng phạt công minh, mặt khác vì (1) thương yêu nhân loại không đành lòng xử phạt (2) nhân loại cũng không đủ khả năng đền bù tội lỗi của mình gây ra và cũng không đủ khả năng để cứu lấy chính mình. Để công, tư vẹn cả hai bề. Thượng Đế là Tình Yêu (Love) nên khi thấy nhân loại trầm luân đã nhủ lòng thương xót,

ân xá (pardon) cho nhân loại bằng cách gởi con Một của Ngài là Chúa Giê–su nhập thể làm người, mặc lấy nhân tính (humanity) đồng bản thể với nhân loại để có thể cứu rỗi nhân loại. “God so loved the world that he gave his only Son.” (Jn 3:16).

5. Trong tác phẩm Cur Deus Homo (Why God was a man – Tại sao Chúa xuống thế làm người) Thánh Anselm nguyên Tổng Giám Mục Canterbury, Anh Quốc, năm 1096, nhận định:

“Owing to the Fall and mankind’s fallen nature ever since, humanity has offended God. Divine justice demands restitution for sin, but human beings are incapable of providing it, as all the actions of men are already obligated to the furtherance of God’s glory. Further, God’s infinite justice demands infinite restitution for the impairment of his infinite dignity... Instead, full recompense could only be made by God, which His infinite mercy inclines Him to provide. Atonement for humanity, however, could only be made through the figure of Jesus, as a sinless being both fully divine and fully human. Taking it up himself to offer his own life on our behalf, his crucifixion accrues infinite worth, more than redeeming mankind and permitting it to enjoy a just will in accord with its intended nature...”

6. Với ***Nhân tính*** (humanity): Chúa Ki–tô phá hủy tội lỗi cho nhân loại “Con Một Thiên Chúa trở thành con người để cho nhân loại trở nên con cái Thiên Chúa” (Sermon 194:3–4). Với nhân tính, Chúa Ki–tô thông cảm với mọi đau khổ và hy vọng của con người. Chúa Giê–su chữa lành mọi đau khổ cho những ai nhận lãnh ơn Chúa. Vì tội phản nghĩa cùng Thiên Chúa là tử tội. Muốn thoát tử tội phải có “**người chết thế**”, nên Chúa Giê–su đã xuống thế làm người, chiu đóng đinh trên cây Thánh giá để chuộc tội cho nhân loại. “Chúa Giê–su đã vâng phục Đức Chúa Cha, tự thoát khỏi thần tính của mình (kenosis), để hòa đồng với nhân loại. Thiên nhân hợp nhất (hypostatic union) mới có tư cách đại biểu cho nhân loại nhận lãnh sứ mệnh tự hiến mình để làm hy lễ đền tội thay cho nhân loại.” (Phil 2:5–11). (Thời thế chiến thứ hai, trong một trại giam của Đức Quốc Xã, mỗi ngày trại bốc thăm xử tử một tù nhân. Anh John Doe chẳng may bị bốc trúng tên, anh khóc la thảm thiết vì vợ trẻ, con thơ đang chờ đợi anh về. Trong hoàn cảnh thương tâm đó, một vị Linh mục đề nghị với trưởng trại chết thế cho anh John. Ít lâu sau, trại được quân đồng minh giải cứu. Anh John được sum hiệp với gia đình, đã bán gia sản, xây tượng đài tri ân vị Linh mục. Vào thời đế quốc La Mã, có trò chơi giác đấu, các đấu sĩ (gladiator) chém giết nhau để mua vui cho vua, quan. Thấy trò chơi dã man, phi nhân tính, một vị Linh mục đã xông vào đấu trường, ngăn cản cuộc đấu, bị loạn đao chém chết. Hoàng Đế La Mã cảm kích trước hành động hy sinh của vị tu sĩ đã ban chiếu lệnh huỷ bỏ trò chơi giác đấu.

7. Với ***Thiên tính*** (divinity): Chúa Giê–su phán “Ta và Cha ta là Một” (Jn 10:30), “Ai thấy Ta thì thấy Cha Ta” (Jn 14:9). “Thiên hà ngôn tai”. Thiên Chúa Cha không nói gì mà

nói qua Chúa Giê–su Ki–tô giáng trần. Chúa Ki–tô là Ngôi Lời (Logos) truyền thông mệnh Trời với nhân loại.

8. Thánh Phao–lô đã nói "Ta đã được thanh tẩy trong Chúa Giê–su Ki–tô. Chính trong sự chết của Người mà ta được thanh tẩy... tất cả anh chị em cũng vậy, hãy coi mình như đã chết với tội lỗi và đang sống lại trong Chúa Giê–su Ki–tô". Nghĩa là "Tôi sống, nhưng không phải tôi sống, chính Chúa Ki–tô đang sống trong tôi" (Gal 2:20). "I have been crucified with Christ. It is no longer I who live, but Christ who lives in me" (Gal 2:20).

9. Mầu nhiệm tử nạn để chuộc tội cho nhân loại và sống lại là Mầu nhiệm Cứu độ (Miracle of Redemption). **Mầu nhiệm cứu độ thể hiện**: (1) Tình yêu hằng hữu của Thiên Chúa đối với nhân loại, một mối tình cao thượng, cho không biếu không. (2) Chúa xuống thế để nối lại nhịp cầu giữa Thiên Chúa và nhân loại vì mối liên hệ này đã bị gián đoạn từ khi Ông A–Dong và Bà E–va phạm tội, bất tuân Thiên lệnh. (3) Chúa Giê–su đã chết đi và sống lại để những ai tin và thờ phượng Thiên Chúa cũng sẽ được cứu rỗi. (4) Mầu Nhiệm Cứu Độ là một Quà tặng (Gift) của Thượng Đế ban cho nhân loại và cũng là lời mời gọi (invitation) nhân loại đón nhận Mầu Nhiệm Cứu Độ của Chúa. (5) Những ai chấp nhận lời mời gọi của Chúa sẽ được sống đời đời. (6) Cuộc tử nạn của Chúa Giê–su nhằm cứu rỗi và kết hiệp con cái của Chúa đã tản mác thành một khối duy nhất. "To gather into one the children of God who are scattered abroad" (Jn 11:52) và kết hiệp Thiên sự với Thế sự "and to unite things in heaven and things on earth". (Eph 1:9–10).

II. Cứu Nhân Độ Thế:

Sau khi quán triệt được các ý niệm căn bản nêu trên, chúng ta thử bàn về tiến trình sống đạo của nhân thế qua ba giai đoạn: (1) Tìm kiếm Thiên Chúa, (2) Gặp gỡ Thiên Chúa và (3) Sống theo giáo huấn của Thiên Chúa.

10. Hãy để cho tâm hồn những ai đang tìm kiếm Thiên Chúa hưởng tận niềm vui. "Let the hearts of those who seek the Lord rejoice" (Ps 105:3) Chúa đã phán ta là "Ánh sáng, là Chân lý, là sự Sống, ai theo ta sẽ được sống đời đời." (Jn 4:16). Ánh sáng giúp con người được đắc đạo. "The True light that enlightens everyone (Jn 1:19); và Chân lý sẽ cứu rỗi con người. You will know the truth the truth will make you free" (Jn 8:32). Từ cổ chí kim, nhân thế không ngừng đi tìm chân lý cơ hồ như không bao giờ biết mệt mỏi. Chủ đích là để tìm giải đáp cho các vấn nạn về Thiên Chúa, vũ trụ, đời người và người ở đời. Nhìn chung từ Âu sang Á, triết lý nhân sinh được dựa trên hai tín niệm hệ chính là Hữu thần và Vô thần. Hữu thần tin tưởng vũ trụ và nhân loại do một vị Thần được mệnh danh là Thượng Đế, Zeus, Dieu hay God sáng tạo. Con người có linh hồn và linh hồn bất diệt. Vô thần không tin vào sự hiện hữu của Thần linh, con người không có linh hồn, tự nhiên được sinh ra và chết là hết. Nhân thế tìm kiếm Thiên Chúa do (A) Ước vọng bẩm sinh,

(B) Cảm nghiệm trước sự huyền diệu của vũ trụ (C) Nhu cầu nhân bản (D) Giáo huấn của Giáo Hội.

A. Tìm kiếm Thiên Chúa do Ước Vọng Bẩm Sinh

11. Phàm là nhân sinh, mỗi người trong chúng ta đều có nhu cầu và ước vọng. Nhu cầu về thỏa mãn đời sống vật chất, tìm kiếm hạnh phúc và nhu cầu về tinh thần như thỏa mãn sự hiểu biết để thoát khỏi sự băn khoăn, khắc khoải về nguồn gốc hay thân phận của mình. Tìm kiếm Thiên Chúa để thỏa mãn nhu cầu tinh thần, tìm giải đáp cho những vấn nạn về sự biến hóa khôn lường của vũ trụ, với bốn mùa thay đổi, sự sống, sự chết, tiền kiếp, hậu lai.

12. Ước vọng tìm kiếm Thiên Chúa đã có sẵn khi con người mới chào đời là ước muốn bẩm sinh (innate desire) vì Thiên Chúa tạo dựng con người theo hình ảnh của Thiên Chúa. Thiên Chúa, mời gọi con người hướng về Thiên Chúa. "**Con người không thể sống hạnh phúc toàn vẹn nếu không biết đến Thiên Chúa** – *Only in God will he find the truth and happiness that men never stop searching for*" (CCC 27).

13. Thánh Au–gus–ti–nô đã xác quyết: Khi con kết hiệp với Chúa thì con được tràn đầy ơn Chúa, con không còn lo âu, không còn thử thách, hưởng được đời sống toàn diện, sung mãn. "*When I completely united with God, there will be no more sorrow or trials; entirely full of God, my life.". "Lạy Trời mưa xuống, lấy nước tôi uống, lấy ruộng tôi cầy, lấy đầy bát cơm, lấy khúc cá to". Muôn sự thi chi cũng tại Trời (Nguyễn Du)*.

B. Tìm kiếm Thiên Chúa do cảm nghiệm về sự Huyền Diệu của Vũ Trụ

14. Nhà Bác học nổi danh Albert Einstein đã cảm nghiệm sự huyền nhiệm của Tạo Hóa với câu nói bất hủ. "*L'homme auquel le sentiment du mystère n'est pas familier, qui a perdu la faculté de s'émerveiller, de s'abîmer dans le respect, est comme un homme mort*". Người mà không biết say đắm trong niềm tôn kính trước những huyền bí của vũ trụ, thì chẳng khác gì người đã chết.

15. Tự tận đáy lòng, nhân thế luôn luôn hướng về chân lý và khao khát tìm hiểu về chân lý. Sự tìm kiếm không biết mệt mỏi để tìm hiểu tận cùng sự vật (cách vật trí tri – extension of knowledge through investigating things) là bằng chứng hùng hồn chứng minh cố gắng của nhân loại. "In the depth of his heart there always remains a yearning for absolute truth and the thirst to attain full knowledge of it. This is eloquently proved by man's tireless search for knowledge in all fields." (Thông Điệp Veritatis Splendor). Sự khao khát bẩm sinh này thể hiện qua vũ trụ quan của nhân loại Đông phương cũng như Tây phương:

(1) Vũ Trụ Quan của Đông Phương

16. Thánh Giáo Hoàng Gioan Phao–lô II, vào đầu tháng 11 năm 1999, trong cuộc viếng thăm Ấn Độ, đã công bố Tông Thư: *Giáo Hội tại Á Châu*: "Giáo hội Công giáo tỏ lòng **cung kính và ngưỡng mộ** tất cả truyền thống tinh thần của các Tôn Giáo Á Châu và muốn dấn thân trong cuộc đối thoại chân thành với các tín hữu của các tôn giáo. Những giá trị tôn giáo mà các đạo giáo dân gian giảng dạy đang *chờ đón sự viên mãn trong Đức Giê–su Ki–tô*". "*Asia is also the cradle of the world's major religions—Judaism, Christianity, Islam and Hinduism. It is the birthplace of many other spiritual traditions such as Buddhism, Taoism, Confucianism, Zoroastrianism, Jainism, Sikhism and Shintoism. Millions also espouse traditional or tribal religions, with varying degrees of structured ritual and formal religious teaching.* ***The Church has the deepest respect for these traditions and seeks to engage in sincere dialogue with their followers. The religious values they teach await their fulfilment in Jesus Christ***."

17. Tông Thư Veritatis Splendor và Ecclesia in Asia giúp chúng ta am hiểu thêm công việc của Chúa Thánh Linh qua các phương cách cứu rỗi tiềm ẩn thêm vào chủ trương "Ngoài Giáo hội Công giáo, không có sự cứu rỗi – Extra Ecclesiam, nulla salus" và "No one can enter the Kingdom of God unless he is first born of water and Spirit." (Jn 3:5).

Từ thuở tạo thiên lập địa, từ Đông chí Tây, từ Nam chí Bắc, con người đã tin vào một Đấng Tạo Hóa toàn năng, là đệ nhất tác nhân, (First Cause/agent) tạo nên muôn loài và vũ trụ. Thánh Thomas Aquino, qua sách Tổng Luận về Thần học – Summa Theologiae, đã minh xác: "Thiên Chúa nội tại (immanent) ở trong vạn vật và trong nội tâm hay lương tri của mỗi người nên trên bình diện tự nhiên, Thiên Chúa đã hiện hữu trong tâm trí họ rồi". Vì thế Thiên Chúa đã ẩn tàng trong tâm hồn của nhân thế. **Người Tín hữu Thiên Chúa Giáo chân chính không những phải yêu chuộng những người đồng tín ngưỡng mà cả những người không cùng tín ngưỡng nhưng có lòng thành**. Công đồng Vatican II trong Hiến chế Vui Mừng và Hy vọng (Gaudium et Spes,4) đã nhắc nhở tôn chỉ này với hàng giáo phẩm: "The Church Pastors... speaking with love and mercy not only to believers but to all people of good will" vì ơn Cứu Độ của Chúa được ban cho mọi người, không kể lương hay giáo. "Salvation is open to all".

18. Để xác minh ý niệm cứu rỗi một cách rộng rãi, Công Đồng Vatican II đã tuyên bố đối với những ai, không vì lỗi của họ, không biết gì về Chúa Giê–su Ki–tô và Giáo hội của Ngài, nhưng cố công tìm kiếm Thiên Chúa với lương tâm chính trực, có thể được sự sống đời đời... Vì lòng thành và chân lý tìm thấy trong những người này chờ đón sự viên mãn trong Đức Giê–su Ki–tô. "*Those who without any fault do not know anything about Christ or His Church, yet who search for God with sincere hearts and under the influence of grace, try to put into effect the will of God as known to them through the dictate of conscience...can obtain eternal salvation*" (Hiến chế Lumen Gentium 16).

Với "Tình nhân loại hỗ tương và bác ái cộng đồng cố hữu của Giáo Hội được nới rộng". Tinh thần tôn trọng tự do, các quyền căn bản mà Thượng đế đã ban cho loài người, chống lại áp bức của bạo quyền đã gây ảnh hưởng lớn lao giúp cho dân chúng của các dân tộc dị giáo và công dân La Mã đã trở lại Thiên Chúa Giáo khiến cho Thiên Chúa Giáo trở thành quốc giáo của Đế Quốc La Mã vào thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên. Hoàng Đế La Mã Constantine. (A.D.306–337) cũng đã trở lại đạo. "*It was the Christian spirit of mutual love and communal charity that astonished and impressed the pagans and the Romans*". Sự hiện hữu của giáo dân trong các tổ chức là bước khởi đầu cho công cuộc thánh hoá. Sự tham gia vào các tổ chức văn hoá, xã hội, chính trị... phải đặt trên căn bản thánh thiện, nhằm mục đích phục vụ phúc lợi chung, tránh vấn đề ủng hộ hay phản đối mù quáng, không vì phe phái mà quên rằng thiên hạ đang nhìn mình như là một chi thể của giáo hội, xử thế không đúng cách sẽ bị xem như "*cành nho khô héo, sẽ bị cắt, bỏ vào lửa mà đốt đi*". (Jn. 6:16)

19. Theo triết học Đông phương, Vũ Trụ là thập hướng: Đông, Tây, Nam, Bắc, Đông nam, Tây nam, Đông bắc, Tây bắc, Thượng và Hạ. Trụ là cái trục mà các hướng muôn đời vẫn xoay quanh. Từ đời vua Nghiêu (2356 BC), vua Thuấn (2255 BC), trước Công nguyên, đã có công trình nghiên cứu về vũ trụ và biểu thị các hành chất chính (original material) luân lưu trong vũ trụ như Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và tạo nên thuyết Âm, Dương Ngũ hành. Thuyết Âm Dương Ngũ Hành được ghi chép trong kinh Dịch, (Book of Change), sách nói về sự biến hóa huyền diệu của vũ trụ, biểu tượng bằng hình Thái Cực.

20. Thái cực được biểu tượng bằng một hình vòng tròn. Một nửa, bán nguyệt, màu đen có chấm trắng: Màu đen biểu tượng cho Âm và chấm trắng biểu tượng cho Dương, nghĩa là trong âm có dương. Và một nửa màu Trắng biểu tượng cho Dương, có chấm đen, nghĩa là trong dương có âm. Âm và Dương luôn luôn điều hòa mọi biến hóa của vũ trụ và nhân sinh. Trong đàn ông có cái nhu mì của đàn bà và trong đàn bà có cái cương trực của đàn ông. Âm Dương hòa, gia đạo thành! Gia đạo thành thì thôn xóm an vui, quốc gia hưng thịnh, thiên hạ thái bình.

21. Kinh Dịch là một cuốn kỳ thư nói lên kỳ công của Thượng Đế (natural laws) tạo dựng nên vũ trụ từ một bầu khí vô cực gọi là Nguyên Khí (souffle originel), có hai luồng điện chính là Âm (negative – – –) và Dương (positive – – –) hay **Lưỡng nghi** (dualités). Kinh Dịch viết "Dịch hữu Thái cực, thị sinh Lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh **Tứ tượng** (bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông). Tứ tượng sinh bát quái (8 quẻ) gồm có: Kiền, Đoài, Ly, Chấn, Tốn, Khảm, Cấn, Khôn..." Cao điểm của sự tăng giảm của hai lượng điện Dương và Âm là Kiền và Khôn. Kiền gồm 3 dương và Khôn gồm 3 âm. Kiền thể hiện cho Thiên và Khôn thể hiện cho Địa. Hai quẻ này là đầu mối cho mọi biến chuyển của vũ trụ. Vì thế

cổ nhân dùng chữ kép Kiền Khôn hay Càn Khôn để chỉ vũ trụ hay Thiên Địa. Đây là một phương cách diễn tả sự vận hành của luật âm dương trong vũ trụ.

22. Khi Dương lên quá cao thì tự nhiên sẽ chuyển dần sang Âm. Ngược lại khi âm lên cực điểm sẽ chuyển dần sang dương. Sau cơn mưa trời lại sáng, sau cơn nắng hạn trời lại mưa. Trong một ngày trời nắng đến cao độ vào lúc 12 giờ trưa, thì dần dần chuyển sang âm khi chiều xuống. Âm đến cao độ vào lúc 12 giờ đêm thì dần dần chuyển sang dương khi trời sáng... vạn vật cứ thế mà luân chuyển điều hoà, "hết cơn bĩ cực, tới hồi thái lai", tránh sự thái quá, thái quá bất cập. Từ đó phát sinh ra quan niệm Trung Dung (Principle of the Mean) ở đời lấy sự trung dung làm tiêu chuẩn tiến hóa. "Chồng (vợ) giận thì nên bớt lời, cơm sôi bớt lữa"! thì gia đạo được thái hòa.

23. Sự điều hoà Âm và Dương do một Nguyên lý Siêu Việt vận hành. Nguyên lý Siêu Việt vận hành vũ trụ này gọi là ***Đạo***. Đạo là Nguyên lý Siêu Việt, là Thượng Đế, là Thiên Chúa. Chữ Thiên gồm hai chữ: Chữ nhất và chữ lớn hay Lớn nhất là Thiên Chúa hay Thượng Đế, là Đấng Vĩ Đại. Đạo còn có nghĩa là Logos, Ngôi lời, Verbum, Word of God ám chỉ Đấng Cứu Thế là nguyên thuỷ và cũng là cứu cánh (Alpha and Omega). (LM Đường Thi). Suy rộng ra, đấng cứu thế qua mỗi thời đại, tùy quan niệm của mỗi tôn giáo, là Chúa Giê–su, là Đức Phật, là Đức Khổng, là Đức Lão...

24. Thánh Kinh ghi về sự hình thành mặt Trời và mặt Trăng "God made the two great lights, the greater light to rule the day, and the small one to rule the night". Nhà Bác học Newton ca ngợi công trình của Tạo Hóa: "*His most beautiful system of sun, planets and comets could only proceed from the counsel and dominion of an intelligent and powerful being. God was an active agent sustaining the heavenly bodies in their positions and solicitous of His special creation, man*". Thái Dương hệ vận chuyển đúng theo phương vị nhờ vào tài năng siêu việt của Đấng Tạo Hoá. Khoa học là môn học nghiên cứu, tìm hiểu và giải thích những sự vật đã có sẵn trong vũ trụ, nhưng sự khám phá còn rất hữu hạn. Phần thiếu sót dành cho Thần học và Triết học bổ sung. Khoa học nguyên gốc phát sinh từ triết học vi tư tưởng lên khuôn cho hành động.

25. Theo Tứ Thư và Ngũ Kinh do Đức Khổng Tử san định, lời kinh cầu trong nghi lễ Tế Trời hằng năm cầu cho mưa thuận gió hoà, quốc thái dân an, từ đời nhà Chu (1122–255 BC, trước Công nguyên, được phổ biến qua các triều đại của Trung Hoa, và các quốc gia chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc như Đại hàn, Nhật bản, Việt nam.

26. Đấng Thượng Đế là vị Hoá Công tạo nên vũ trụ và nhân loại, là chủ tể của lịch sử, căn nguyên của các mệnh lệnh luân lý. Đấng phán xét, thưởng người lành, phạt kẻ dữ. Kinh Thi nói rằng "***Đức Thượng Đế rất lớn****, soi xuống dưới rất rõ ràng, xem xét bốn phương để tìm sự khốn khổ của dân mà cứu giúp. Vậy nên người bao giờ cũng phải kính*

và sợ Trời. Kính Trời và sợ Trời là căn bản đạo đức của người Tàu." (Nho Giáo của Trần Trọng Kim).

27. *Trời rất thông minh nên các thánh quân phải bắt chước Trời, quần thần sẽ khâm phục, dân chúng sẽ an vui* (Sách Thượng Thư). Điều dân chúng ước ao thì Trời cũng chiều theo. "*Dân chi sở dục, Thiên tất tòng chi – Ý dân là ý Trời*". (Kinh Thư). *Đã làm người thì ai cũng là con của Trời*.

28. Trời không phụ kẻ có lòng tốt. "Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhân". Trời sinh ra con người, ban cho con người trí tuệ, có lý trí, có ý chí và tự do, có quyền quyết định, lựa chọn cuộc sống. Con người có cố gắng thì Trời bồi bổ thêm lên, "khi nên Trời cũng chiều người". Nếu con người biếng nhác thì sẽ bị chi phối bởi luật đào thải (loi de selection). "*Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức*". Trời hành đạo rất mạnh, người quân tử phải theo mà tự cường không được ngừng nghỉ, bỏ cuộc.

29. Sách Trung Dung cũng nhấn mạnh Trời sinh ra muôn vật tất nhiên vì cái tài lực của mỗi vật mà đôn đốc thêm vào, cho nên vật nào có thể vun đắp được thì vun trồng cho tốt thêm, vật nào nghiêng ngả thì đành chịu lụn bại. "*Thiên chi sinh vật, tất nhân kỳ tài nhi đốc yên, cố tài giả bồi chi, khuynh giả phúc chi*" để khích lệ con người tự lực tự cường thay vì biếng nhác.

30. Theo Thánh Kinh, Chúa cho nhân thế tự quyết định vận mệnh của mình. "God left man in the power of his own counsel". (Sir 15:14) hay Chacun est l'artisan de sa fortune! Vì thế chúng ta nên: "*Thành tâm, chánh ý vì tư tưởng sẽ phát sinh ra lời nói; lời nói sẽ phát sinh ra hành động; hành động lâu ngày sẽ phát sinh ra thói quen, thói quen sẽ phát sinh ra nhân cách, nhân cách sẽ định vận mệnh của mỗi người*!"

31. "*Vi thiện giả, Thiên báo chi dĩ phúc vi bất thiện giả Thiên báo chi dĩ hoạ*". Ai có nhân cách tốt và làm điều lành thì Trời ban phúc cho, ai làm điều chẳng lành, Trời lấy vạ mà báo cho. "Thiện ác đáo đầu chung hữu báo". Đúng là "Grace respects nature". Ơn Trời ban ơn tuỳ bản tính của mỗi người. Vô công bất thọ lộc!. "Vinh danh Thiên Chúa trên Trời, bình an dưới thế cho ngươi thiện tâm".

32. Đức Khổng Tử viết "*Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong*". Thuận theo ý Trời thì sống, chống lại ý Trời thì chết. Trên không oán Trời, dưới không trách người, cứ sống bình dị mà đợi mệnh. Tóm lại, Thiên mệnh chính là ý chí của đấng Tạo Hoá, vô cùng thương dân, chỉ muốn đem lại an hoà, hạnh phúc cho nhân loại mà thôi.

33. Thánh Kinh đã ghi "Christ came not to condemn, but to forgive, to show mercy (Mt 9:13) – Chúa Giê–su xuống thế không phải để trừng trị mà đến để tha thứ và thương xót".

Tất cả các đạo lý trong triết học Đông phương nêu trên đều đang chờ đón sự viên mãn trong Đức Ki–tô. “The Asian religious values await their fulfilment in Jesus Christ”.

34. Thiên Chúa Giáo đã được truyền bá vào Trung Hoa từ thế kỷ thứ 6, năm 578 đời nhà Đường. Thời mà tại phương trời Tây, dưới thời Hoàng Đế La Mã Theodosius, Công Giáo đã trở thành Quốc Giáo của Đế Quốc La Mã. “In 381, the emperor Theodosius made Christianity the only and official religion of the Roman Empire... a Roman was to be a Christian”. Từ đó có danh xưng Công giao La Mã. Hễ nói đến Công giáo, thiên hạ nhớ đến La Mã. Hễ nói đế dân La Mã, thiên hạ nghĩ đến người Công giáo. Sau đó nhà thám hiểm Marco Polo đến Trung Hoa giúp nhà Nguyên (Mông Cổ) từ thế kỷ thứ 13 thuật lại những di tích lịch sử của Thiên Chúa Giáo đã tìm thấy như cây Thánh Giá Khải Hoàn cắm vào Bông Sen. Đến năm 1532, Thánh Phan–xi–cô Xa–vi–ê đến Nhật Bản và lâm chung trên một hòn đảo thuộc Trung Quốc, hưởng thọ 46 tuổi.

Vị Giáo sĩ truyền giáo nổi danh tại Trung hoa từ năm 1583 là Linh Mục Matteo Ricci. Ngài thông thạo Hán văn và đã dịch bộ sách Tứ thư (Luận Ngữ, Mạnh Tử, Đại Học, Trung Dung) ra tiếng La–tinh và soạn tác phẩm “Thiên Chủ Thực Nghĩa”, xuất bản năm 1603. LM Ricci dùng phương pháp suy luận và quan niệm về vũ trụ, Thượng Đế của Nho học để trình bày và giới thiệu Thiên Chúa Giáo với dân tộc Trung Hoa. Theo phương pháp thực tiễn là nhà truyền giáo phải am hiểu, thông thạo cả giáo lý lẫn nền văn học, ngôn ngữ của nơi mình giảng đạo.

35. Thánh GH Gioan Phao–lô II ngày 25 tháng 10 năm 1982 đã tuyên dương LM Ricci nhân kỷ niệm năm 400 sinh nhật của cố LM Ricci, “*Xưa kia các Giáo phụ của Hội Thánh đã hòa hợp Thiên Chúa Giáo với văn hoá Hy lạp, thì Cha Matteo Ricci cũng đã xác tín một cách đứng đắn là niềm tin vào Thiên Chúa Cứu Thế sẽ không làm thương tổn cho nền văn hóa Trung Hoa, trái lại còn làm phong phú và kiện toàn hơn nữa*”. (Trích Thiên Chúa Giáo và Tam Giáo, Đường Thi).

36. Tại Việt nam, năm 1627 Cha Đắc Lộ (Alexandre De Rhodes) cập bến tại Cửa Bạng/Ba Làng, sau khi đã đến Đà Nẵng năm 1624. Sau 27 năm phục vụ Cha Đắc Lộ đã trở về Roma và đã qua đời tại Iran. Gần đây, một số người Việt đã đến viếng mộ Ngài thể hiện lòng tri ân Ngài đóng góp công lao cho nền văn hoá Việt bằng cách, cùng với các giáo sĩ khác, sáng chế chữ Quốc Ngữ. “Quốc Ngữ, chữ nước ta” và có công khai sáng Giáo hội Công Giáo Việt Nam.

(2) Vũ Trụ quan của Tây Phương

37. Theo Thánh Kinh “When God spoke, the mind of the spirit moved, and the chaos was transformed into creation” (Genesis 1). Bên phương trời Tây, từ thế thứ VI, trước Công nguyên, nhiều triết gia Hy lạp đã nghiên cứu về Vũ trụ và Thần linh qua tác phẩm Thần

Minh Luận (Theogony) gồm thi ca và bút ký của Homère và Hésiode để giải thích và luận về vũ trụ. Theo quan niệm cổ sơ này thì sự hình thành của Vũ trụ phát xuất từ Thần Linh. Mỗi vị thần đảm trách một phần vụ. Nỗ lực hình dung vũ trụ khi còn hỗn mang do thần Chaos. Thần Eros được quan niệm là Thần đảm trách quá trình hình thành và tuần hoàn của vũ trụ. Ngoài ra có thần Gaia với bộ ngực vĩ đại để nuôi dưỡng vạn vật và Thần Zeus tượng trưng cho nguyên lý sinh sản với cái bụng chứa được muôn vật.

Vạn vật biến hóa vô lường, nên phải có một nguyên chất cơ bản (matière originelle qui subissait toutes les transformations) và trường tồn để duy trì sự biến hoá. Nguyên chất cơ bản là cái bất biến trong sự luân lưu của vạn vật. Ngoài vũ trụ luận, các triết gia nghiên cứu về chiều sâu của cuộc sống như tư tưởng, tâm lý, giác quan, sự biến dịch, nhân đức, linh hồn, tình yêu... tính cách biến dịch của vũ trụ và nhân sinh với các ý niệm luân chuyển "không ai có thể tắm hai lần trong một dòng sông – You can never stop in the same river twice". Con người là thước đo của vạn vật (Men is the measure of all things). Tuỳ theo cặp kính ta đeo mà mọi vật bên ngoài đều thay đổi, theo chủ quan của mỗi người. No one really knows what is outside of himself.

38. **Triết gia Socrates (470–399 BC)** cho rằng kiến thức là nhân đức, vô minh là tội lỗi "Knowlegde is virtue, ignorance vice". Con người phải học hỏi bằng nhiều cách. Socrate là người khôn ngoan nhất Athènes vì chỉ có Socrate mới biết rằng ông không biết gì cả. "*Socrate was the wisest man in Athens because he was the only one who knew that he did not know anything*". Socrate cho rằng chỉ có ***Thượng Đế là toàn thiện, toàn mỹ***. Suốt đời, ông phụng sự Thượng Đế và khuyên nhân thế không nên tham lam của cải thế gian mà phải biết lo cho sự thăng tiến của tâm hồn "*He must obey God than man, for knowing that this is the command of God and I believe that no greater good has ever happened in the state than my service to God. For I do nothing but go about persuading you all, old and young alike, not to take thought for your persons or your properties but first and chiefly to care about the greatest improvement of the soul*". Socrate bị bọn cường hào, ác bá lên án, buộc Socrate phải thu hồi ý tưởng của mình. Socrate giữ khí tiết tử đạo, thà chết vinh hơn sống nhục, đã bị xử chết bằng độc dược năm 399 trước công nguyên.

Triết gia Platon (427 BC), lập Đại học gọi là Academy với châm ngôn: "Ngươi hãy tự biết lấy ngươi – Know yourself". Làm người không biết tự kiểm thảo thì không có khả năng bồi ưu, bổ khuyết, là kẻ không đáng sống. Platon quan niệm ***con người là linh hồn nhập thể***. Linh hồn và thể xác là hai đơn vị tách biệt, linh hồn bị đóng khung trong thể xác như con sò nằm trong vỏ sò cho đến khi chết linh hồn mới thoát ra. "Platon characterizes man as a soul imprisoned in a body, like an oyster in his shell".

Thánh Au–gus–ti–nô, cũng trong quan niệm về linh hồn cho rằng linh hồn và thể xác linh thông. Khi Chúa tạo dựng nên con người thì Chúa tạo dựng linh hồn đồng thời với sự tạo dựng thể xác. Linh hồn và thể xác tuy hai mà một. St. Augustine định nghĩa "*Man*

as a rational soul using a body. A new soul comes into being with each new human being created by God." Với quan niệm này, phá thai tức là sát nhân một cách vô nhân đạo vì thai nhi không có sức đề kháng, tự vệ (defenseless).

Triết gia Aristote (384–322 BC) là đồ đệ của Platon. Ông phân biệt tình yêu ra: Tình yêu vị kỷ (selfish love) và tình yêu vị tha (Altruistic love). Với Platon và Aristote, các vị thần được quan niệm như sống trong một thế giới chân lý hoàn hảo, vô hạn và sáng ngời, với chân lý ấy, họ biết được mọi sự. Trong thế giới của thần linh, mọi sự được tắm trong ánh sáng huy hoàng, mọi bóng tối đều bị tan biến hết.

Triết gia/toán học gia Pythagore (570–496) quan niệm bản tính con người có tính cách nhị nguyên: Thể xác là thành tố khả tử, linh hồn là thành tố bất tử. Đời sống đạo đức thiết yếu là liều thuốc thanh tẩy nhờ đó linh hồn mới thoát ly được...
Triết gia Heraclite (544–484 BC) cho rằng tất cả mọi sự đều luân lưu trôi chảy, tất cả đều biến động như một dòng sông. Tất cả đều luôn luôn thay đổi, không có gì trường tồn, ngưng đọng. "Không ai có thể tắm hai lần trong cùng một dòng sông biến dịch ".

Triết gia/khoa học gia Democrite quan niệm linh hồn con người được cấu tạo bởi những nguyên tử di động, đó là những nguyên tử tròn trĩnh của lửa. Những nguyên tử ấy được phân phối và vận hành trong toàn thể xác. Nhờ hô hấp mà các nguyên tử trong thể xác được thay đổi, nhờ hô hấp mà sự sống trong cơ thể mới tồn tại được.

C. Tìm kiếm Thiên Chúa do Nhu Cầu Nhân Bản

39. Khi nhân thế nghe được sứ điệp về sự tạo dựng vũ trụ và tiếng nói của lương tâm, thế nhân hẳn cảm nghiệm được sự hiện hữu của Thiên Chúa, là thuỷ, chung của mọi sự. "*When he listens to the message of creation and to the voice of conscience, man can arrive at certainty about the existence of God, the cause, and the end of everything*." (Thánh GH Gioan Phao–lô II, Thông Điệp Veritatis Splendor (1993).

Thế nhân có trí tuệ, lý trí, ý chí và tự do mà Đấng Tạo Hóa ban cho theo hình ảnh của Hoá Công. Ý hướng về Thượng Đế, tự cổ, theo triết học Tây phương, có liên hệ với nhân thế qua những nhận định: "(1) Thần chỉ thể hiện ra với con người biết nghe tiếng của Thần. (2) Thần liên hệ với con người, và vạch cho họ thấy mặt Thần để con người nhận ra mặt mình; (3) Muốn hiểu về Thần linh, con người phải hy vọng một cái gì không thể hy vọng. Không hy vọng thì không thể gặp được Thần; (4) Nếu không tin tưởng vào Thần, loài người cũng không hiểu được Thần". **Tin trước, hiểu sau cũng là nguyên tắc hướng dẫn suy tư của Thần học**. (Theology (theo: thần, logy: lời nói).

40. Như vậy Tin là điều kiện của tri thức suy lý, có tin mới hiểu được. (**Credo ut intelligam**). Quan điểm này rất gần với quan điểm của St Thomas Aquino trong Summa

Theologiae – Tổng Luận về Thần học – Thượng Đế tạo dựng nhân loại theo hình ảnh của Thượng Đế "*God himself created us in his image and likeliness*". Hình ảnh đây có nghĩa là của cả Ba Ngôi Thiên Chúa. Ba Ngôi nhưng chỉ một Chúa. Sự hiệp nhất giữa Ba Ngôi vào một bản thể. Cá nhân của mỗi người trong chúng ta và những người khác cũng phải được hiệp nhất thành một bản thể, thành một Cộng đồng, một quốc gia, Giáo hội Duy nhất, Thánh Thiện, Công Giáo và Tông Truyền.

41. Hội Thánh là một nhiệm thể. Thánh Phao–lô sánh Hội Thánh là Thân thể của Chúa Giê–su. Mỗi giáo hữu là chi thể của Hội Thánh, nên giáo hữu phải hoạt động theo phần vụ của mình như các cơ phận trong thân thể phải hoạt động đúng vai trò của mình thì cơ thể mới lành mạnh. Hoạt động trong sự hiệp nhất vì chúng ta được thánh tẩy bằng nước, thể hiện máu của Chúa Giê–su và ơn của Chúa Thánh Thần trong tinh thần hiệp nhất "*For by one Spirit we were all baptized into one body*." (1 Cor 12:13).

D. Tìm kiến Thiên Chúa nhờ GIÁO HUẤN CỦA GIÁO HỘI

42. Đặc điểm của Thiên Chúa Giáo là tinh thần hòa đồng, không phân biệt tự do hay nô lệ, dân tộc này hay man di khác. Thánh Phao–lô đã nói "Không phân biệt Do Thái hay Hy Lạp; không phân biệt tự do hay nô lệ; không phân biệt nam hay nữ. Tất cả đều duy nhất trong Chúa Ki–tô – *There is neither Jew nor Greek, there is neither slave nor freeman; there is neither male nor female. For you are all one in Christ*." (Gal. 3:27). Như vậy, nhờ tình nhân loại hỗ tương và bác ái cộng đồng được nới rộng, mà Thiên Chúa Giáo tạo được ảnh hưởng lớn lao khiến cho dân chúng của các dân tộc dị giáo và công dân La Mã đã trở lại Thiên Chúa Giáo. Thiên Chúa Giáo trở thành quốc giáo của Đế Quốc La Mã vào thế kỷ thứ 4 sau Công nguyên. Hoàng Đế La Mã Constantine (306–337 A.D) cũng đã trở lại đạo. "*It was the Christian spirit of mutual love and communal charity that astonished and impressed the pagans and the Romans*". Với quan niệm "*Kết hiệp trong sự khác biệt*" (**E pluribus Unum**/one out of many, như đã khắc trên đồng US quarter), mọi người đều là một, nhằm tái tạo sự liên kết theo tinh thần Tông Huấn Unitatis Redintegratio (Restoration of Unity), để phụng sự phúc lợi chung của nhân loại, không phải chỉ tạm thời và có tính cách thế tục, mà còn mang ý nghĩa siêu nhiên là nhân loại chung quy vẫn liên kết với Đấng Tạo hóa, dù đang sống qua các hình thức thờ phượng khác nhau.

43. Sau Công Đồng Vatican II, ĐGH Paul VI ban hành Tuyên Cáo "Nostra Aetate" về Liên Tôn. "***Ngài tuyên bố Giáo Hội Công giáo không bài bác bất cứ những gì là chân thực và thánh thiện nơi các tôn giáo khác và nhất mực tôn trọng những cách thức hành đạo và nếp sống, các điển mô và giáo huấn của các tôn giáo khác***, tuy có nhiều điểm khác biệt với chủ trương mà Giáo hội Công Giáo duy trì, nhưng cũng thường phản ảnh lại chân lý chiếu soi cho hết mọi người. – *The Catholic Church rejects nothing that is true and holy in these religions. She regards with sincere reverence those ways of*

conduct and of life, those precepts and teachings which, though differing in many aspects from the principle she holds and sets forth, nonetheless often reflect a ray of that Truth which enlightens all men".

Thánh Giáo Hoàng Gioan Phao–lô tuyên bố tiếp: "*Giáo hội phải luôn công bố Đấng Cứu Thế là Ánh Sáng, sự Thật và sự Sống*" (Jn 14:6). *Chính trong Ngài, nhân loại tìm được sự sung mãn của đời sống tôn giáo và trong Ngài, Thiên Chúa đã hòa giải mọi sự nơi Ngài* (2 Cor 5:18–19). *Vì thế Giáo hội khích lệ các con cái mình: Nhìn nhận, bảo trì và cổ võ cho những thiện ích tinh thần và luân lý và những giá trị trong mọi xã hội và các vấn đề văn hóa của các tín đồ thuộc các tôn giáo khác bằng cách đối thoại và cộng tác một cách khôn ngoan và thân tình với các tông đồ của các tôn giáo mà vẫn làm chứng tá của Đức tin và đời sống của Ki–tô Giáo*. (Nostra Aetate – Tuyên Ngôn của Giáo hội Công Giáo với các Tôn giáo ngoài Ki–tô Giáo.)

Thánh Giáo Hoàng Gioan Phao–lô II, năm 1993, đã công bố quan điểm của Giáo hội qua Thông Điệp Veritatis Splendor/ The splendor of the truth: "*Those without any fault do not know anything about Christ or his Church, yet who search for God with a sincere heart and under the influence of grace, try to put into effect the will of God as known to them through the dictate of conscience....can obtain the salvation... Nor does Divine Providence deny the helps that are necessary for salvation to those who, through no fault of their own, have not yet attained to the express recognition of God"*. Như vậy, dù nhiều người, không phải lỗi của họ, không biết (invincible ignorance/vô tri) để thờ phượng Thiên Chúa, nhưng họ sống cuộc đời thánh thiện và tìm kiếm Thiên Chúa theo lương tâm chính trực vẫn có thể được cứu rỗi.

III. GẶP GỠ THIÊN CHÚA

44. Trước hết phải hiểu là Thiên Chúa luôn luôn tìm kiếm chúng ta. Chúng ta cũng tìm kiếm Thiên Chúa: Chúa là tình yêu. Ai sống trong tình yêu là sống trong Chúa và Chúa sống trong người ấy. "*God is love, who abides in love, abides in God and God in him*". Tình yêu Thiên Chúa tức là Bác ái. Chúng ta có trí tuệ (intellect), lý trí (reason), Ý chí (will) và tự do (freedom). Trí tuệ để thu nhận kiến thức, mệnh Trời; Lý trí để suy xét, hiểu biết tình yêu của Chúa đối với chúng ta qua mặc khải của Chúa; Ý chí là quyết tâm của chúng ta đền đáp lại tình yêu của Chúa đã ban cho chúng ta; và tự do để chấp nhận hay thoái thác ơn sủng.

Gặp gỡ Thiên Chúa là ân sủng vì Chúa đã phán: *Các con không chọn Thầy mà Thầy đã chọn các con*, sai các con đi để mang về hoa trái, hoa trái không bao giờ hư nát. "*You did not choose me, I chose you and I commissioned you to go out and bear fruit, fruit that will last*." (Jn 15:16). Gặp gỡ Chúa Ki–tô là đã tìm thấy Chân lý và sự Sống, là lý tưởng cao cả nhất của Ki–tô hữu. Lý tưởng chung của chúng ta là quy về Chúa Ki–tô, đấng cứu

độ chúng ta. "Thầy là cây nho, chúng con là cành. Ai kết hợp trong Thầy, Thầy ở trong người đó, kẻ ấy sẽ trổ sinh hoa trái, vì nếu xa lìa Thầy các con sẽ không làm gì được. – *I am the vine, you are the branches. Whoever remains in me, with me in that person, bears fruit in plenty, for cut off from me, you can do nothing*." (Jn 15:5).

45. Thánh Au–gus–ti–nô đã nói "Con đã biết con, nay con lại được biết Chuá". "Người đã đến để ban cho chúng ta sự sống dồi dào." (Jn 10:10). Người là "Mạch nước làm cho chúng con không khát đời đời." (Jn 4:13–14). Chúa Giê–su là con người toàn vẹn; vừa có nhân tính; vừa là Thiên Chúa; là Đấng Cứu độ vĩ đại. "Người có nhân tính nên biết cảm thông với chúng con. Người là Thiên Chúa nên Người có quyền lực chữa lành mọi vết thương cho chúng con. Tôi cảm tạ ơn Chúa và mong muốn được theo Người. Lạy Thầy chúng con theo ai? Vì thầy có lời ban sự sống đời đời." (Jn 6:68). Vì muốn được theo Người, chúng ta mong muốn được học đạo để hiểu thêm về Thiên Chúa, vì thế giới là địa bàn và phương tiện để Ki–tô hữu thực thi ơn gọi của mình.

Nếu chúng ta thờ phượng Thiên Chúa, thì chúng ta cũng phải thương yêu nhân loại như mình ta vậy và quý trọng tất cả những gì Thiên Chúa tạo nên trên trái đất cho chúng ta hưởng dùng, như sinh vật, đất đá, cỏ cây, hoa lá... những loài vật này đã thể hiện sự hoàn mỹ của Thiên Chúa mà chúng ta không nên phí phạm. Để hiểu biết Thiên Chuá mỗi ngày một nhiều hơn, chúng ta phải học Đạo vì: "*Không học Thánh kinh thì không biết gì đến Chúa Ki–tô. Ignorance of the Scriptures is ignorance of Christ***." (St. Jerome 400 AD).

46. ĐTC Phao–lồ VI đã nói "Để uốn nắn trở thành một Ki–tô hữu, chúng ta phải canh tân não trạng chúng ta, phải sống theo khuôn mẫu đời sống Chúa Ki–tô và chấp nhận trách nhiệm biến đổi những cơ cấu trần thế nơi chúng ta đang sống". "Toàn bộ con người cần được uốn nắn hay đào luyện cho đến khi Chúa Ki–tô thành hình ngay trong con người ấy." (Gal 4:19) và cho đến khi nhận thức được rằng không phải tôi sống mà chính Chúa đang sống trong tôi "*It is no longer I who live, but Christ who lives in me*." Nghĩa là học cho đến khi Thánh kinh tràn ngập tâm hồn. Học Thánh kinh không phải chỉ để hiểu nghĩa, biết thêm tin tức (information) mà thôi mà chính là làm sao áp dụng Thánh kinh vào sinh hoạt hằng ngày (formation) đế tạo sự tự hoán cải liên tục (Metanoia/conversion). Bởi nhờ vào đào luyện, với những phương cách khác nhau, mới biến đổi hay hoán cải con người toàn diện. Việc học đạo làm cho con người thực sự vững vàng về những gì là thiết yếu và hạnh phúc một cách khiêm nhường trong đức tin. Đặc biệt am hiểu các ý niệm căn bản như ân sủng, vai trò của Ki–tô hữu, đức tin, sùng đạo....

47. Ân Sủng: Chuá đã tự hiến tế trên cây Thánh giá để chuộc tội cho thiên hạ. Ơn cứu độ của Ngài dành cho mọi người, thể hiện tình yêu Thiên Chuá cũng là *phương tiện tuyệt hảo an bài cho chúng ta được tương ngộ với Ngài*. Ân sủng (grace) đã giúp chúng ta gặp gở Chúa trong một thế giới đầy những thực tại bất ngờ, và chỉ có Chúa mới lấp đầy được

những sự trống vắng trong tâm hồn chúng ta. Nói khác đi "Ân sủng là sự gặp gỡ sống động với Thiên Chúa" giúp chúng ta trở thành những Ki–tô hữu có phẩm giá. Nhờ ân sủng của Chuá, chúng ta đã được xác nhận là Ki–tô hữu về mặt thiêng liêng.

48. Giáo Hội: "You are Peter, and on this rock, I will build my church" (Mt 16; 18, JnI:42) "Này con là đá, trên viên đá này Cha xây Giáo Hội muôn đời vinh quang". Chúa không bao giờ để chúng ta cô đơn, lạc lõng nhưng trái lại hội tụ con cái của Người vào trong một đại gia đình. Đại gia đình này được thể hiện qua hai hình ảnh (1) Giáo hội là Cộng Đồng Dân Chúa, mỗi Giáo hữu cũng là một Giáo hội (2) Giáo hội cũng là nhiệm thể của Chúa Ki–tô một hình ảnh nói lên được sự tham gia của Ki–tô hữu trong đời sống của "Chúa Ki–tô toàn diện". Thánh GH Gioan Phao–lô II đã nói "Nhờ ơn sủng của các Ki–tô hữu sống hiệp thông với các Thánh: Hình ảnh cây nho và cành nho đã làm sáng tỏ sự hiệp thông thiết yếu giữa các Tông đồ với Chúa, và giữa các Tông đồ với nhau: Tất cả đều là cành nho của một cây nho duy nhất". Khi thi hành sứ mệnh của một Ki–tô hữu giữa trần thế, chúng ta thi hành kế hoạch tuyệt diệu của Chúa với Đức tin: *Nghĩa là nhìn nhận kế hoạch cứu độ của Thiên Chúa* đặt căn bản trên "Đức tin".

49. Đức Tin: Đức tin là nguyên động lực thúc đẩy chúng ta hoàn thành nhiệm vụ Chúa giao phó cho chúng ta ở trần gian này, với tâm niệm: "Bất luận anh em ăn gì, hoặc uống gì hay làm bất cứ điều gì, hãy làm vì vinh quang của Thiên Chúa." (1 Cor 10:31). Chúa đã ban chính bản thân mình làm món quà cho con người thì sự đền đáp duy nhất và thích ứng nhất là hoàn toàn chấp nhận kế hoạch cứu chuộc của Chuá, không chỉ là một sự tán thành, nhưng là một sự gắn bó, đam mê (passion) Chúa với tất cả tâm can cũng như yêu người như mình ta vậy. "*Love the Lord, your God with all your heart, soul, mind, and strength, and love your neighbor as yourself*." (Mark 12:30–31). Một hình thức theo Chúa Ki–tô thực sự, một thái độ chia sẻ công cuộc cứu chuộc của Chúa. Nhờ phép Thêm sức mà chúng ta được đức tin vững vàng "The confirmation gives us a special strength of the Holy Spirit to spread and defend the faith by word and action as true witnesses of Christ." (Catechism of Catholic Church, CCC 1303). Đức tin như vậy là một trong những điều kiện ắt có để được nên thánh. Đức tin được thể hiện qua các tác động sùng kính Thiên Chúa hằng ngày qua tâm tình sùng đạo.

50. Với tư cách Ki–tô hữu, chúng ta hiểu vai trò của mình là giáo hữu trong Giáo hội và cũng là Giáo hội. Đã là giáo hữu trong Giáo hội, chúng ta chấp nhận tin mừng cứu chuộc của Chúa với Đức tin mãnh liệt vào Chúa. Đến đây hẳn nhiên chúng ta đã có sự lựa chọn vì "Đức tin không hành động là Đức tin chết." (Gia–cô–bê 2:17). Nghĩa là Đức tin phải được thể hiện qua mọi hành vi sùng đạo hằng ngày của người giáo hữu. Chúa đã hứa "Ở đâu có hai hay ba người hợp nguyện ở đó có Chúa hiện diện – *Where two or three are gathered in my name, there am I in the midst of them*." (Mt 18:20) và "Anh em có nói gì, làm gì thì hãy nói nhân danh Chúa Giê–su và nhờ Người mà cảm tạ Thiên Chúa Cha." (Col. 3:17). "Nhất là phải làm hoà với người anh, em trước khi tham dự vào Thánh lễ thì

của lễ mới được Chúa chấp nhận – *If you are offering your gift at the altar, and there remember that your brother has something against you, leave your gift before the altar and go, first be reconciled to your brother, and then come and offer your gift*." (Mt 5:23–24). Trong kinh Lạy Cha chúng ta đọc, có câu "và tha nợ chúng con như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con – *Forgive us our sins, as we forgive those who sin against us*" và vì vậy Chúa sẽ không tha thứ cho chúng ta nếu chúng ta không tha thứ cho người khác. "God will not forgive anyone who fails to forgive others." (Mt 6:14–15). Có thể có nhiều phương cách thể hiện Đức tin trong hành vi Sùng đạo để nên Thánh sẽ đem lại cho chúng ta những ý niệm về sùng đạo chính trực, gạt bỏ những quan niệm sai lầm. Chúng ta phải chọn đời sống thánh thiện đích thực với đức tin kiên định được đánh động nhờ tình yêu mà Chúa Giê–su công bố trong điều răn mới của Người.

51. Đặc Trưng của Giáo Hội: Chúa Giê–su đã nhập thể (incarnation) làm người và đã chịu chết trên cây Thánh giá để chuộc tội cho nhân loại. Ngài đã thiết lập Giáo hội như ngôi nhà với đầy đủ tiện nghi cho chúng ta và mong muốn chúng ta sinh sống trong ngôi nhà đó. Giáo hội dẫn dắt chúng ta ngày nay như "trụ lửa" Chúa đã ban xuống, ngăn chặn quân thù, để dẫn dắt dân Israel khỏi Ai cập. Chúa ban cho chúng ta mỗi người một vai trò mà Chúa muốn chúng ta thực hiện trong Giáo hội. Chúa đã phán Giáo hội Chúa là "Ánh sáng của muôn dân – The light of the world". Là Giáo hội hữu hình với những đặc tính vĩnh cửu cho đến khi Chúa lại đến. Giáo hội Chúa đã trường tồn trên 2000 năm trải qua biết bao nhiêu nghịch cảnh và vẫn vững vàng như bàn thạch, đúng như lời Chúa đã phán với Thánh Phê–rô "*Này con là đá, trên viên đá này Cha xây Giáo hội muôn đời vinh quang*". Nếu là một tổ chức của nhân thế thì Giáo hội đã suy sụp từ lâu, nhưng đây là Giáo hội của Chúa, khởi sự với công lao của 12 Thánh Tông đồ và được giáo quyền các cấp qua các thời đại đã tiếp nối chương trình cứu độ và rao giảng lời Chúa qua hơn 2000 năm đã kiến tạo thành một Giáo hội vững vàng nhất thế trần với hằng tỷ giáo dân, thể hiện "Thần quyền" vĩnh cửu của Chúa trên "Thế quyền" nay đổi mai thay của các quốc gia trên thế giới.

52. Giáo Hội Công Giáo có 4 đặc trưng:

(1) Giáo hội Công giáo là Giáo hội ***Duy Nhất***: (The Church is oneness,) nghĩa là Chúa chỉ thành lập một Giáo hội duy nhất trên trần gian này với một nền giáo lý thuần nhất, trước sau như một, như lời Chúa đã giảng dạy, hoặc đã phán qua các Tiên tri, các Thánh Tông đồ được thể hiện qua Kinh thánh. Tín lý của Giáo hội càng ngày càng được khai triển sâu xa hơn qua các Công đồng, cho đến nay Giáo hội đã họp được **22 Công Đồng**, kể từ Công Đồng Giê–ru–sa–lem năm 49 sau khi Chúa tử nạn và Công Đồng gần nhất là Công Đồng Vatican II (1962–1965) với nhiều canh cải thể hiện qua các Tông huấn, Thông điệp, Sắc lệnh, nhưng luôn luôn trung thành với nguyên gốc. (Jn. 16:12–13).

(2) Giáo Hội Chúa là Giáo hội ***Thánh Thiện*** (The Church is Holy). Thánh thiện vì đấng thành lập là Thánh thiện. Tuy nhiên không có nghĩa là mọi giáo hữu đều thánh thiện, cũng như không có nghĩa là mọi tín hữu đều sẽ được hưởng phước đời đời. (Jn 6:70, Matt 7:21–23). Giáo hội là nguồn thánh thiện, là cơ quan quản nhiệm ơn Thánh Chúa qua các phép bí tích (Eph.5:26). Các tôn giáo đều thánh thiện, cho nên tấn công tôn giáo là hành vi xâm phạm nhân quyền của chủ nghĩa CS chủ trương tam vô: Vô gia đình, vô tổ quốc và vô tôn giáo.

(3) Giáo Hội là ***Công Giáo***. (The Church is Catholic) Giáo hội Công Giáo là ân sủng Chúa ban cho nhân loại, là tôn giáo chung của hoàn vũ (Catholic, nguyên gốc chữ Hy lạp = Universal phổ quát, of all nations). Công giáo là tôn giáo chung của nhân thế (Matt.28:19–20). Qua hơn 2000 năm Giáo hội vẫn rao truyền tín lý căn bản: **Chúa đã chết để chuộc tội cho thiên hạ và Chúa yêu thương nhân thế như con cái chung của đại gia đình nhân loại** (Gal: 3:28). Ngày nay, Giáo hội Chúa hiện hữu trong tất cả các quốc gia và các vị thừa sai vẫn đang bành trướng Giáo lý Công Giáo khắp nơi trên thế giới. Danh xưng Công giáo (Catholic), được phổ thông từ thời Thánh Ignatius of Antioch từ năm 107 sau Công nguyên, nhưng đã bắt nguồn từ thời các Thánh Tông đồ, tức là từ thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên.

(4) Giáo hội là ***Tông Truyền*** (The Church is Apostolic). Giáo hội Công giáo là Tông Truyền vì Chúa đã phong các Tông đồ lãnh đạo Giáo hội và các Tông đồ truyền nhiệm cho các tông đồ kế vị qua các niên đại. Giáo hội hoàn vũ do các Đức Giáo Hoàng kế vị của vị Giáo Hoàng tiên khởi là Thánh Phê–rô, (St. Peter), đến các vị chủ chăn như Tổng Giám Mục, Giám Mục và Linh Mục trong các giáo hội địa phương với tín lý căn bản: Chúa Giê–su đã sống lại vinh hiển. Chúa ở với nhân loại trong Bí tích Thánh Thể. Nhân loại có thể hòa giải với Chúa qua các vị chủ chăn, qua bí tích rửa tội, bí tích giải tội, đền tội...

53. Truyền thống Tông truyền này được Giáo hội trung thành tuân chỉ qua các thời đại mà chúng ta gọi là thừa kế Giáo quyền được truyền từ các vị lãnh đạo giáo hội tiên khởi với tinh thần phục vụ nhân loại như Chúa đã làm gương rửa chân cho các môn đệ. Các tông đồ là những hiền nhân, cho nên từ thời sơ khai của Giáo hội, đã được gọi là Cha (Father) như Thánh Phao–lô đã đề cập trong thư gởi tín hữu thành Cô–rin–tô: "Ta trở nên thân phụ các con trong danh nghĩa Chúa Ki–tô qua Kinh Thánh – *I become your father in Jesus Christ through the Gospel*." (1 Cor 4:15). Chúa đã uỷ quyền cho các vị Tông đồ cai quản nước Chúa ở trần gian (Jn 21:15–17) qua hình ảnh Chúa chọn Peter làm vị "Giáo hoàng" tiên khởi. Peter nguyên tên là Simon. Chúa đã đổi tên Simon sang Kepha, có nghĩa là một tảng đá lớn theo tiếng Aramaic. Sau đó chuyển sang tiếng Hy lạp là Petros (Jn 1:42), tiếng Anh là Peter, tiếng Pháp là Pierre, đều có nghĩa là đá. Chúa đã xây Giáo hội trên tảng đá vững chắc này. Chúa ban quyền cho Thánh Peter làm chủ chăn (Jn 21:15–17). Thánh Peter hướng dẫn Giáo hội, tuyên xưng đức tin qua Kinh thánh và có

quyền quyết định, cai quản Giáo hội (Acts 2:1–41, 15:7–12). Thánh Peter là vị Giám Mục Roma tiên khởi, tử đạo năm 64 trong thời Hoàng Đế La Mã Nero. Các Giám mục kế vị Thánh Peter được tín hữu mệnh danh là Pope có nghĩa là Cha (Papa), là Đức Giáo Hoàng.

Giáo hội Công giáo duy trì bốn đặc trưng nêu trên không phải nhờ sức tín hữu mà Thiên Chúa tự duy trì (self–sustained) các đặc tính trên cho Giáo hội do Chúa đã hình thành cho nhân loại (Mat. 16:18, 20–28). Trước kia, Chúa đã dùng trụ lửa (pillar of fire) đề soi sáng hành trình cho dân Do Thái vượt khỏi Ai Cập. Ngày nay Chúa cũng dùng trụ lửa để hướng dẫn Giáo hội (Exodus.13:21). Vì thế mà Giáo hội Công Giáo còn được gọi là "***Trụ cột và nền tảng của Chân lý"*** (The pillar and foundation of the truth (1 Tim3:15) và Ngài ban quyền cho các vị chủ chăn ở trần gian "Ai nghe các con là nghe Ta. Ai từ chối các con là từ chối Ta – *He who listens to you listens to me, and he who rejects you rejects me*." (LK 10:16).

54. Quyền Giáo huấn của Giáo hội (Magisterium) dùng để quảng diễn Thánh kinh và Thánh Truyền... Quyền Giáo huấn của Giáo hội (Magisterium) nhằm giải thích về tín lý qua các Công Đồng. Quyền Giáo Huấn có tính cách bất khả lầm lẫn (The Magisterium is infallible) nhờ sự soi sáng của Chúa Thánh Thần. "The magisterium is infallible when it teaches officially because Jesus promised to send the Holy Spirit to guide the apostles and their successors into all truth." John 16:12–13) (CCC 101–141). Thánh kinh, Thánh Truyền và quyền Giáo huấn tạo thành thế chân vạc (tripod) bảo đảm sự vững chắc nền Giáo huấn Công giáo qua hơn 2000 năm nay và mãi mãi về sau. (CCC 85–87)

55. Chúa lưu lại cho chúng ta những Thiên ân nào? Chúa hứa sẽ không để chúng ta sống đơn côi (John 14:18) và Chúa đã gởi Chúa Thánh Thần đến hướng dẫn chúng ta (John 15:26) "cho chúng ta được biết việc phải làm, cùng khi làm xin Chúa giúp đỡ cho mỗi kinh, mỗi việc, từ khởi sự cho đến hoàn thành đều nhờ bởi ơn Chúa". Những Ân sủng Chúa ban để giúp sức cho chúng ta chiến thắng ba thù là Bảy phép Bí tích:

Thứ 1. Phép Rửa tội (Baptism),
Thứ 2. Phép Thêm sức (Confirmation),
Thứ 3. Phép Mình Thánh Chúa (Eucharist),
Thứ 4. Phép Giải tội (Penance),
Thứ 5. Phép Xức Dầu Thánh (anointing of the sick),
Thứ 6. Phép Truyền chức Thánh (Holy order) và
Thứ 7. Phép Hôn phối (Matrimony).

Những phép bí tích đã này được tiềm ẩn trong Cựu Ước qua các biểu tượng (symbol) như lễ "cắt bì" là dấu hiệu của phép rửa tội, lễ tiệc Vượt qua (Pass Over Meal) là tiền thân của phép Thánh Thể... Khi Chúa Giê–su đi rao giảng, Chúa đã siêu nhiên hoá các biểu tượng

thành Ơn Sủng (grace). Chúa đã làm nhiều phép lạ với các vật liệu thế trần như bùn, nước, bánh mì, dầu, rượu... như biến nước thành rượu trong tiệc cưới Cana, chữa lành bệnh mù lòa bằng cách đắp bùn lên mắt, biến bánh mì thành của ăn cho hằng ngàn người theo nghe Chúa giảng dạy... qua các phép Bí tích Chúa tiếp tục nuôi sống linh hồn chúng ta, để lại cho chúng những quà tặng hay Ân sủng qua các Phép Bí Tích.

(1) Phép Rửa Tội (Baptism) (CCC 1213–1284): Vì tội tổ tông, chúng ta sinh ra với thể xác nhưng phần hồn thiếu ân sủng kết hiệp với Chúa. Chúa đã vì vậy xuống thế gian, mặc lấy hình hài nhân loại, dùng máu của Người để rửa sạch tội tổ tông, cứu vớt chúng ta, giúp chúng ta kết hiệp với Cha cả trên trời. Chuá phán "Không ai có thể vào được nước Thiên đàng nếu không được tái sinh bằng nước và ơn Thánh linh – *He said no one can enter the kingdom of God unless he is first born of water and the Spirit*." (Jn 3:5). Chúa Giê–su đã nêu gương sáng và để lại thí dụ cụ thể cho nhân loại bằng cách đích thân xuống sông Jordan để Thánh Gioan Tẩy Giả dùng nước làm phép rửa cho Chúa.

Với phép rửa tội, chúng ta được tái sinh trong Ơn sủng của Chúa. Chính ngày rửa tội mới là ngày sinh nhật thiêng liêng của mỗi tín hữu. Chúng ta được rửa tội qua hy lễ của Chúa, vì thế chúng ta được thông phần Phục sinh với Chúa (Rom. 6:3–7). Phép rửa tội tẩy sạch tội lỗi của chúng ta, nhờ đó Chúa Thánh linh và ơn sủng của Ngài tràn ngập tâm hồn chúng ta (Acts 2:38, 22:16). Thánh Phê–rô cũng đã thốt lên "Phép rửa tội cứu rỗi các con – *Baptism now saves you*" (1 Pet.3:21). Phép Rửa tội mở đường cho chúng ta trở thành công dân nước Chúa.

(2) Phép Thêm sức (Confirmation) (CCC 1285–1321). Chúa tăng cường đức tin cho chúng ta qua phép Thêm sức. Vào ngày Lễ Chúa Thánh Thần hiện xuống (Pentecost) Chúa Thánh Thần đã đến để tăng cường đức tin cho các Thánh Tông Đồ trước khi lên đường "vui kiếp gió sương", thi hành sứ mệnh loan truyền tin mừng của Chúa cứu thế, với lòng trung kiên, can đảm phi thường. Các Thánh Tông đồ, các vị Giám mục sau đó cũng thừa lệnh Chúa cử hành bí tích Thêm sức để tăng cường sinh lực thiêng liêng cho giáo dân. (Acts 8:14–17).

(3) Phép Mình Thánh Chúa (The Eucharist) (CCC 1322–1419). Một khi chúng ta đã trở thành công dân nước Chúa, Chúa không nỡ lòng nào để cho chúng ta đói khát, thiếu lương thực tinh thần, nhưng nuôi sống chúng ta hằng ngày bằng mình và máu Thánh Chúa qua phép Thánh Thể. Trong Cựu Ước, khi cứu dân Chúa ra khỏi Ai cập, Chúa đã sai thiên thần thông báo cho dân Do Thái giết cừu và thoa máu lên cửa để tránh bị Tử Thần sát hại và sau đó ăn thịt cừu để giữ gìn kết ước với Chúa: Đó là "Tiệc cừu của lễ Vượt qua". Chúa Giê–su cũng đã hy sinh và dùng máu của Ngài để xóa tội trần gian. "Lạy Chiên Thiên Chúa, đấng xoá tội trần gian, xin thương xót chúng con" (Jn.1:29). Chúa đã lập "Kết Ước mới" với chúng ta và cho chúng ta sự sống đời đời. Chúa phán "Trừ phi các con ăn thịt Ta và uống máu Ta, nếu không các con sẽ chỉ là xác vô hồn". (Jn

6:53) "*Unless you eat my flesh and drink my blood you have no life within you*". Trong buổi Tiệc ly, Chúa cầm lấy bánh, rượu làm biểu tượng và phán: "Đây là mình Ta, hãy cầm lấy mà ăn, và máu Ta hãy cầm lấy mà uống. Máu Tân Ước sẽ đổ ra cho các con và nhiều người được tha tội." (Mk 14:22–24). Đây là hình ảnh sống động về Hy lễ Chúa lập để nuôi sống linh hồn chúng ta và Chúa sẽ ở với chúng ta cho đến ngày Tận thế. Thánh Phao–lô đã xác quyết, qua Ơn phúc, đây là mình và máu thật của Chúa Giê–su. Những ai thiếu đức tin thì không nên rước lễ vì rước lễ trong lúc tâm thần bất ổn thì sẽ chuốc lấy tai hoạ "*Anyone who eats and drinks without recognizing the body of the Lord eats and drinks judgment on himself*" (1 Cor.11:27–29). Sau phần phụng vụ Thánh Thể trên bàn thờ, không còn bánh và rượu mà là mình và máu thật của Chúa ẩn thân trong bánh và rượu để nuôi sống chúng ta.

(4) Phép Giải tội (Penance) (CCC1422–1498). Chúa là Thần, nhưng đã mặc xác loài ngươi, Chúa hiểu sự yếu đuối cùa con người đôi khi sa chước cám dỗ của Satan. Chúa luôn luôn sẵn sàng nâng đỡ chúng ta qua bí tích Giải Tội. Chúa ban cho các chủ chăn quyền tha tội cho chúng ta. "Với ơn Chúa Thánh Thần, con tha tội cho ai thì Cha tha cho người đó và con cầm giữ tội ai thì Cha cũng sẽ cầm giữ người đó – *Receive the Holy Spirit. Whose sins you forgive are forgiven them, and whose sins you retain are retained*" (Jn 20:22–23). Xưng tội để thống hối là phương thức hòa giải tâm linh với Thiên Chúa. Chúng ta là sứ giả của Chúa, qua phép giải tội, thống hối, Chúa tha tội cho chúng ta và giúp chúng ta khỏi sa chước cám dỗ.

(5) Phép Xức Dầu Thánh (Anointing of the Sick). (CCC 1499–1532). Các chủ chăn luôn luôn ân cần, lo âu về phần xác khi chúng ta bị đau yếu bằng cách ban phép "Xức Dầu" cho chúng ta. Thánh Kinh lưu ý rằng "Nếu có ai trong các con đau khổ, con phải cầu nguyện... Nếu có ai trong chúng con đau yếu, chúng con phải mời Linh Mục đến cầu nguyện và nhân danh Chúa xức dầu cho kẻ liệt, lời nguyện sẽ cứu thoát kẻ liệt và Chúa sẽ nâng người đó lên. Nếu người đó có sai phạm điều gì thì Chúa sẽ tha tội cho họ." (Jas.5:14–15)

(6) Phép Truyền Chức Thánh (Holy Order). (CCC 1536–1600). Chúa mời gọi nhân thế dâng mình trở thành Tu sĩ, Linh Mục để phụng sự Chúa. Qua Cựu Ước, chúng ta thấy trong xã hội Do Thái có nhiều người trở thành Thầy cả. Họ đã đáp ứng ơn gọi của Chúa để trở thành tông đồ, suốt đời phụng sự Chúa (Exod. 19–22). Trong Tân Ước, Chúa đã mời gọi đặc biệt nhiều người dâng mình cho Chúa. (Rom.15–16). Các vị Linh Mục được tấn phong và được uỷ quyền cai quản Giáo hội các cấp (2 Tim.1:6–7). Quan trọng nhất là rao giảng Tin Mừng và quản nhiệm các phép Bí tích.

(7) Phép Hôn Phối (Matrimony) (CCC 1601–1666). Qua phép Hôn Phối, Chúa ban cho nhiều người ơn đặc biệt để hai người Nam – Nữ trải qua những khó khăn của cuộc đời nhất là vấn đề nuôi dưỡng con cái. Hôn phối thường tạo nên liên hệ ba chiều "Cô Dâu,

Chú Rể và Thiên Chúa". Khi hai người kết hợp, có Chúa ngự trị giữa họ, chứng kiến sự trao đổi lời thề hứa và ban phúc cho họ qua vị Giáo sĩ chủ lễ. Hôn phối là lời hứa trọn đời (Mk10:1–12), Rom.7:2–2, 1Cor.7:10–11). Là sự kết hợp thánh thiện, biểu tượng cho mối liên hệ không thể phá vỡ giữa Giáo hội và Thiên Chúa (Eph.21–33).

IV. Sống theo Giáo huấn của Thiên Chúa

56. Sống theo Giáo huấn của Thiên Chúa tức là sống và tuân giữ các giới răn, tức là tuân luật. Luật này hướng dẫn con người đến chân lý, đến sự sống đời đời. Thánh kinh đã ghi lại lời của người phú hộ trẻ tuổi hỏi Chúa "Thưa Thầy con phải làm gì để được sống đời đời – What good must I do to have eternal life? Chúa trả lời nếu con muốn sống đời đời con phải tuân các giới răn – *If you wish to enter into life keep the commandments*."

Người Tín Hữu Giáo Dân lãnh nhận ơn cứu độ của Chúa, phải biết sống vượt qua những trở ngại để trở thành người Công giáo đích thực. Từ thuở ấu thời sách Kinh Nghĩa đã giảng dạy giáo dân: Chúa tạo nên con để làm gì?

Câu trả lời "Chúa tạo nên con để biết Chúa, để yêu mến Chúa, để phụng sự Chúa ở trần gian này và sống hạnh phúc với Chúa đời sau – *Why did God make you? God made me to know him, to love him, and to serve him in this world and to be happy with him forever in the next*". Chúa đã phán: "**Ta đến để cứu rỗi các con và cho các con đời sống sung mãn hơn** – *I came so that you might have life and have it more abundantly*." (Jn 10:10). **Chương trình của Chúa cho chúng ta rất đơn giản. Chúa muốn cho chúng ta tất cả mọi sự tốt đẹp, kể cả cuộc sống vĩnh viễn đời sau. Chúa chịu chết trên cây Thánh giá để chuộc tội cho chúng ta. Khi Chúa cứu chuộc chúng ta, Chúa ban cho chúng ta trở nên kết hiệp với Chúa, như là một phần tử của Giáo hội**. "*When he saves us, he makes us part of his Body, which is the Church*." (1 Cor.12:27–30). Chúng ta, từ đó, được kết hiệp với cộng đồng Ki–tô hữu khắp nơi trên thế giới, trên Thiên đàng và trong Luyện ngục. Chúng ta sống đạo qua 3 phương cách:

1. Sùng đạo: Sống với Đức tin Công Giáo của mình bằng cách thể hiện Đức tin công giáo một cách hiển nhiên trong mọi hoàn cảnh, mọi hành vi của cuộc sống, không dấu diếm, mặc dù có khi gặp cơ may, có khi gặp rủi ro! Nhưng bất kể cảnh huống nào hãy tận hưởng đức tin mình có: "Rejoice and glad, for your reward is great in heaven – Hãy vui sướng và hoan hỉ vì phần thưởng rất lớn trên Thiên đàng." (Mt.5:12). Sùng đạo để nên thánh, để được cứu rỗi. Làm việc lành phước đức, từ bi hỉ xã, thương người như thể thương thân.

Lời Chúa hứa về đời sống vĩnh cửu là một món quà tặng không cho chúng ta. (A gift, freely offered to us by God– CCC 1727). Chúa muốn chúng ta dự phần vào ơn cứu độ của Chúa (1 Cor. 3:9). Nhưng Chúa không áp đặt món quà lên mọi người mà chỉ ban cho

những người có thiện tâm nhận lãnh. Hoán cải là sự đan kết giữa ân sủng và tự do. Con người được cứu rỗi nhờ đức tin và ơn phúc (Jas.2:24). Chúa đã phán tin vào Chúa chưa đủ, cần phải thực hành các điều răn của Chúa. "Tại sao con gọi ta Chúa, Chúa, nhưng không thực hiện điều ta sai bảo". (Lk 6:46, Matt. 7:21–23, 19:16–21). Điều tốt nhất muốn tránh xa tội lỗi là phải cầu nguyện, giữ các Phép Bí tích và làm việc lành phước đức. "*The best way to keep away from sins is to embrace regular prayers, the Sacraments and charitable acts*". Nho học cũng khuyên nhân thế "Nhất nhật bất niệm thiện, chư ác giai tự khởi – Một ngày mà không nghĩ đến điều thiện, ác ý sẽ dấy lên." Người theo CS chỉ nghĩ đến lợi lộc cá nhân nên làm mọi điều ác. Người quốc gia như chúng ta ngược lại chủ trương làm điều thiện.

Cầu nguyện là công tác quan trọng nhất trong đời sống của người tín hữu. Không có cầu nguyện thì không có đời sống tâm linh. Cầu nguyện cá nhân hay cầu nguyện tập thể như khi dâng Thánh Lễ, chúng ta cầu nguyện, ca ngợi Thiên Chúa, xin tha thứ tội lỗi. Với cầu nguyện, chúng ta phát triển sự kết hợp với Chúa và với các tín hữu khác trong Giáo hội. (CCC 2663–2696). Đức tin được thể hiện qua lời cầu nguyện. Gia đình của Giáo Hội gồm chúng ta, các tín hữu, tha nhân thuộc các tôn giáo khác, những người đã qua đời trong Luyện ngục, hay ở trên Thiên đàng và các Thánh. (Rom 8:3–8, 1 Cor. 3:12–15). Thánh Phao–lô khuyên "Rejoice always, pray constantly, give thanks in all circumstances" (1 Thes 5:16–18)

(a) Cầu nguyện Cá nhân: Chúa dạy chúng ta tìm nơi thanh vắng, tránh lo ra, để cầu nguyện với Thiên Chúa. Cầu nguyện không phải độc thoại (monologue) mà đối thoại (dialogue), tâm sự với Chúa. Đọc Kinh Thánh, không chỉ để biết (information) mà còn để đào luyện (formation) nghĩa là áp dụng Thánh kinh vào mọi hoàn cảnh trong đời sống hằng ngày. Đọc Kinh Thánh tức là đối thoại với Chúa vì Chúa ngự trị trong Thánh Kinh. "*When you pray, go to your room and shut the door and pray to your Father who is in secret*" (Mt 6:6).

(b) Cầu nguyện Nhóm: "*When two or three are gathered in my name, there am I in the midst of them*" (Mat 18:20). (CCC 2689). Khi có hai hay ba người họp nhau cầu nguyện thì Chúa sẽ ngự trị giữa họ.

(c) Cầu nguyện Cộng đồng: Trong các phương cách cầu nguyện, tham dự Thánh Lễ là phương cách được Chúa truyền dạy trong buổi tiệc ly biệt với các Thánh Tông Đồ. Chúa cầm lấy bánh mà bảo: "Đây là mình ta, các con nhận lấy mà ăn" và cầm rượu mà nói "Đây là máu Ta, các con nhận lấy mà uống. Máu Tân ước vĩnh cữu sẽ đổ ra cho các con và nhiều người được tha tội, các con hãy làm việc này mà nhớ đến ta. *Do this in remembrance of me*." Trước hết Eucharist có nghĩa là Lễ Tạ Ơn. "Eucharist means first of all Thanksgiving". Tạ ơn Thiên Chúa đã tạo nên trời, đất muôn vật, tạo nên nhân loại và đã xuống thế làm người, chịu đóng đinh trên cây Thánh giá để chuộc tội cho thiên hạ.

Chúng ta gọi là Thánh Lễ Misa, Anh ngữ là Mass, Pháp ngữ là Messe, do chữ Missa (La–tinh) có nghĩa là lên đường sau khi nhận sứ mệnh (mission–Go, it is sent), lên đường để thi hành sứ mệnh đã được giao phó. Trong buổi tiệc ly Chúa đã truyền lệnh cho các Thánh Tông [đồ] đi khắp thế gian để rao truyền tin mừng Cứu Độ. Tham dự Thánh Lễ để tạ ơn và nhắc nhở lại lệnh của Chúa đã ban ra và sau lễ, chúng ta nhận lệnh lên đường thi hành công tác truyền bá ơn cứu độ của Chúa cho muôn dân thiên hạ. "Lễ xong chúc các con đi bình yên" và đem về hoa trái, những hoa trái không bao giờ hư nát. "*The Mass is ended, go in peace to love and to serve the Lord*". Tham dự Thánh Lễ Misa là một việc trọng đại trong đời sống của người giáo hữu, cần phải chuẩn bị chu đáo, sốt sắng.

(2) Học đạo hiểu biết về Giáo lý Công giáo: Muốn sống đời sống đức tin, trước hết phải biết thế nào là Đức tin Công Giáo. Chúng ta không thể chia sẻ đức tin của mình với người khác, nếu chúng ta không biết đức tin của mình là gì? (Catechism of the Catholic Church/CCC. 429). Vì thế, chúng ta phải học đạo. Học đạo cần sự cố gắng, nhưng rất hữu ích và khích lệ. "*Ignorance of Scriptures is ignorance of Christ* (St. Jerome 400)." Không học Thánh Kinh thì không hiểu gì về Chúa Ki–tô. Nhiệm vụ của người tín hữu là học hỏi Thánh kinh, tuân giữ giới răn của Thiên Chúa và truyền bá ơn Cứu Độ của Thiên Chúa cho muôn dân thiên hạ. Chúng ta không phải biến hành động của mình phù hợp với "việc làm của Ki–tô hữu" nhưng là "để trở nên Ki–tô hữu", nhờ đó nảy sinh ra việc làm của Ki–tô hữu, đó là loan truyền tin mừng đúng với sứ mệnh người Ki–tô hữu.

(3) Hành đạo: Thực thi Sứ mệnh Truyền giáo: Chúa muốn chúng ta rao giảng chương trình cứu độ đến cho mọi loài thụ tạo. "Chúa là Ánh sáng, là sự Thật, là sự Sống" (John. 14:6). Truyền bá đức tin là nhiệm vụ chung của mọi người Công giáo (CCC. 905). Trước khi lên trời, Chúa nói với các môn đệ "Các con hãy đi và làm cho nhân thế trở thành con cái của Chúa, rửa tội cho họ, Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần, đồng thời giảng dạy cho họ tuân giữ các giới răn mà Ta đã truyền cho các con" (Mt. 28:19–20). "Go into all the world and preach the gospel to the whole creation" (Mk 16:15). Phải có sự thông hiệp với Chúa thì sự rao giảng Tin mừng mới có hiệu lực. "*Only from a personal relationship with Jesus can an effective E–vangelization develop*." (L'Osservatore Romano).

(a) Chúa Thánh Thần cũng ban cho chúng ta bảy năng lực thiết yếu: *Trí thông minh, khả năng am hiểu, khả năng hướng dẫn, đức tính can trường, sự hiểu biết, đức tính sùng đạo và lòng kính sợ Chúa*. (Wisdom, understanding, counsel, fortitude, knowledge, piety, and fear of the Lord). (Isaiah 11:2). Trong lúc sinh sống và hành đạo, chúng ta phải biết đề phòng những trở ngại giăng mắc trên đường đời: **Đó là tội lỗi**. Tội lỗi do hai nguyên nhân (1) Vi phạm điều cấm kỵ (Sin of commission) (2) Không thi hành điều phải làm (Sin of omission). Tội lỗi làm cho chúng ta (1) mất cân bằng nội tâm, (2) chống lại Thiên Chúa, (3) làm hỏng thánh ý Chúa muốn cho tất cả chúng ta được cứu rỗi, (4) gây thương tích cho nhiệm thể Chúa Ki–tô, (5) hủy hoại sự hiệp nhất trong gia đình và xã hội, gây nên sự lầm than, tan tác.

(b) Muốn hành đạo có hiệu quả, chúng ta phải can đảm nhận lãnh trách nhiệm lãnh đạo (Leaders): **Lãnh đạo** là cơ hội để cải tiến và để phục vụ (Leadership is an opportunity to fight and to serve) trong tư thế **Tư tế, Ngôn sứ và Vương giả**. "Through confirmation, we become shares in Jesus's priesthood, prophetic ministry, and kingly dignity". Lãnh đạo đây không ám chỉ những người có quyền lực hay hiểu biết sâu xa, nhưng muốn nói đến một Ki–tô hữu có khả năng thực hiện "hành động Ki–tô hữu" bằng cách làm dậy men môi trường bằng Phúc Âm để phục vụ nhân quần xã hội một cách vị tha.

Trong ý nghĩa này, bất cứ người Ki–tô hữu nào cũng có thể là người lãnh đạo. Người Ki–tô hữu lãnh đạo là người Ki–tô hữu nhận lãnh trách nhiệm, sẵn sàng hợp tác trong sứ mệnh của Hội Thánh, giữa trần thế. "Do phẩm giá đã nhận lãnh từ phép rửa tội, mỗi tín hữu giáo dân chia sẻ trách nhiệm đối với sứ mệnh của Hội Thánh... Thế giới sẽ trở thành địa bàn và phương tiện để Ki–tô hữu thực thi ơn gọi của mình" (Tông huấn Người Tín hữu Giáo Dân –NHGD). Mỗi chúng ta đều có thể trở nên Ki–tô hữu lãnh đạo, nghĩa là trở nên Ki–tô hữu có trách nhiệm, bền đỗ và dấn thân với tinh thần xung phong, can đảm, chấp nhận rủi ro, trung thành với những đòi hỏi của lý tưởng tự do, ý thức trách nhiệm, khiêm tốn, phục tùng sự dẫn dắt để xây dựng công đồng, quốc gia, dân tộc.

(c) Biết nghiên cứu và Phúc Âm hoá môi Trường: Công việc nghiên cứu môi trường đòi hỏi Ki–tô hữu phải có sáng kiến, biết tự khởi xướng để ra đi làm dậy men môi trường bằng cách: (1) Bắt đầu xác định các môi trường của họ; (2) Giúp họ thâm nhập vào từng môi trường; (3) Thôi thúc họ hoạt động trực tiếp và hăng say với tha nhân bằng phương pháp: Gây cảm tình trước, rồi đến lý trí và sau đó thì đến ý chí. Nói khác đi là làm quen, trở thành bạn và hướng bạn đến đời sống thánh thiện. Nhờ cầu nguyện và hy sinh người tín hữu sẽ củng cố được lòng tự tin. "Tôi có thể làm mọi sự trong Người vì Người tăng sức cho tôi" (Philip 4:13).

Công đồng Vatican II đã nhắc nhở: Chính "nơi trần thế mà người Tín hữu Giáo dân được Thiên Chúa mời gọi hầu nhờ Chúa Thánh Linh hướng dẫn đến với Phúc Âm. Họ có thể đóng góp vào việc thánh hoá thế gian, từ bên trong như men đối với bột, bằng cách chu toàn phận sự đặc thù của họ" (Ánh Sáng Muôn Dân).

Theo hướng dẫn của Thông Điệp "Người Tín Hữu Giáo dân" (Christifideles Laici), sống thánh thiện là sống để:

(1) Phục vụ con người và xã hội,
(2) Thúc đẩy sự tôn trọng phẩm giá mọi người,
(3) Tôn trọng các quyền bất khả xâm phạm,
(4) Bảo đảm tự do của mọi người,
(5) Bác ái là linh hồn nuôi dưỡng tình đoàn kết,

(6) Làm tác nhân nơi trung tâm đời sống văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị và
(7) Thánh hoá môi trường và các sinh hoạt nhân sinh.

Không thể nào có thánh hóa môi trường nếu chính những người làm công việc này không thấm nhuần tinh thần Cứu độ: (1) Truyền đạt nhu cầu hoán cải, một nhu cầu có ý thức, đang diễn tiến, liên hệ giữa nhiều người và nhằm vào việc làm dậy men các môi trường (2) Nêu lên các trợ lực như nhu cầu Thánh thể là lương thực cho cuộc lữ hành (3) Tuyên xưng sự kết trái của một xã hội mới xây dựng trên nền văn minh đầy tình thương. (4) Đây là cuộc sống mới mẻ mà Thánh GH Gioan Phao–lô II đã mệnh danh là "Văn minh của dân tộc mới". Đời sống Ki–tô khuấy động mọi người đã nhận lãnh phép Rửa và khuyên họ phải: "Theo chân, bắt chước Chúa Giê–su Ki–tô; ôm ấp các mối Phước Thật; lắng nghe và theo lời Chúa; tham gia tích cực vào đời sống phụng vụ và bí tích của Giáo hội; cầu nguyện riêng tư trong gia đình và ngoài cộng đồng; khao khát công lý; **phục vụ và yêu thương tha nhân trong mọi hoàn cảnh, đặc biệt với người bất hạnh, nghèo khó, đau khổ**."

Cộng đồng Ki–tô hữu là một nhóm người nòng cốt, cam kết và hiệp nhất trong Chúa Ki–tô, hoạt động như men trong bột giữa trần thế mà họ tiếp xúc. Cộng đồng tín hữu được biểu thị bằng các đặc tính: (1) Sự kiên trì của Giáo hội sơ khai (2) Nỗ lực thánh hoá chính mình và thế giới (3) Thoát khỏi cô đơn và gia nhập vào sinh hoạt cộng đồng (4) Thuộc vào các nhóm nhỏ để có thể liên lạc, gây hứng khởi cho nhau, thêm sức cho nhau và họp bạn với nhau (5) Cộng đồng trở nên điểm liên kết (6) Chia sẻ đời sống tận hiến, lớn lên và trưởng thành trong đức tin, vượt qua các chướng ngại.

Thánh GH Gioan Phao–lô II đã tuyên bố: "**Giáo hội ngày nay cần phải bước những bước đi thật xa trong nỗ lực truyền bá Thánh Kinh cũng như phải bước vào một giai đoạn lịch sử mới trong sự năng nổ truyền giáo của Giáo hội. Cộng đồng Giáo hội cần phải củng cố mối liên kết chặt chẽ giữa mọi chi thể với nhau, trao đổi với nhau những phương tiện và năng lực chính yếu và tự cam kết thành một nhóm để thực hiện sứ mệnh chung duy nhất là tuyên xưng và sống thánh thiện**".

57. Phục Vụ Giáo Xứ: Giáo xứ là gia đình, một cộng đồng đầy tình huynh đệ chỉ có một linh hồn (Lumen Gentium, 1964). Giáo xứ là một gia đình của Chúa, một Cộng Đồngg đầy tình huynh đệ chỉ có một linh hồn. Giáo xứ là một cộng đồng thánh thiện, có năng cách cử hành bí tích Thánh Thể, một cộng đồng đức tin. Đức Giáo Hoàng Phao–lô VI tuyên bố "Ta tin Giáo xứ là cơ cấu cổ kính tiên khởi của cộng đồng dân Chúa. Chính Giáo xứ phải khai trương đời sống phụng vụ và tập hợp dân Chúa. Giáo xứ phải có bổn phận bảo tồn và nung nấu đức tin. Giáo xứ còn là trường dạy dỗ giáo lý cứu rỗi. Là nơi tích cực thi hành các công tác bác ái huynh đệ, là giếng nước của thôn xóm để mọi người đến giải khát. Giáo dân là nguồn mạch làm cho giáo xứ ngày càng thêm phong phú. Mỗi

giáo dân là một hữu thể cá biệt không thay thế được. Mỗi giáo dân có sở trường, sở đoản, có nhiều khả năng về nhiều khía cạnh khác nhau."

58. Phục Vụ Giáo Hội: Sau giai đoạn thánh hoá bản thân, phục vu giáo xứ, Ki–tô hữu tiến đến công tác phục vu Giáo hội, nghĩa là dấn thân vào các môi trường xã hội ngoài giáo xứ với nỗ lực "Làm cho ý định cứu độ của Thiên Chúa ngày càng lan rộng đến tất cả mọi người và mọi thời đại" (Lumen Gentium). Hai sứ mệnh chính của Giáo hội, cũng là nhiệm vụ của mỗi Ki–tô hữu: "Thánh hoá nhân loại nhằm giúp nhân loại sống nhân bản và thánh thiện và đào tạo cho con người một lương tâm Công giáo đích thực để họ có thể đem tinh thần thánh thiện thấm nhuần mọi môi trường cũng như mọi lãnh vực của đời sống".

Canh tân trật tự thế giới vì thế giới càng sống xa tinh thần thánh thiện thì càng tao loạn. Người Ki–tô hữu có sứ mênh canh tân trật tự hoàn vũ hầu cải thiện đời sống của nhân thế. "Giáo hội không thể tránh né sứ mệnh thường trực của mình là đem tinh thần thánh thiện đến cho hằng trăm triệu người cả nam lẫn nữ chưa nhận biết Thiên Chúa, đấng cứu rỗi con người. Công Đồng Vatican II đã khuyến khích người Ki–tô hữu chu toàn công tác trần thế một cách nhiệt tình, trung tín và vâng theo tin thần Thánh Kinh."

Sứ mệnh của người Ki–tô hữu là rao truyền Kinh Thánh "Khốn cho tôi nếu tôi không rao truyền Kinh Thánh" (1 Cor 9:16). Rao giảng Kinh Thánh không chỉ là nhiệm vụ của các vị thừa sai mà còn là nhiệm vụ của mỗi giáo dân. Đừng để Chúa phải nhắc nhở: "Tại sao các con đứng đây suốt ngày mà không làm gì cả."

Thánh Giáo Hoàng Gioan Phao–lô II đã nói "Thiên Chúa đã giao phó trọng trách thánh hóa nhân loại trên vai của mỗi giáo hữu trong sự hiệp nhất với Cộng Đồng Dân Chúa trên toàn thế giới." Công tác Phúc Âm hóa môi trường không chỉ hạn hẹp trong phạm vi sinh hoạt hội đoàn tại các giáo xứ mà phải dấn thân vào công tác trần thế... Thế nhân đang đi tìm hạnh phúc nhưng hạnh phúc chân chính chỉ có thể mang lại cho nhân loại khi tín hữu biết dấn thân, nhập thế để đem luân lý, đạo đức vào các sinh hoạt nhân sinh phức tạp như văn hoá, xã hôi, kinh tế, chính trị, các lãnh vực hoạt động thường nhật của đời sống qua các sứ mệnh phục vu nhân sinh chính yếu:

(a) Dấn thân vào trận đời để hoằng dương thánh ý của Thương Đế qua phương cách kết hợp thân tình với nhân thế để tìm cơ hội giúp đỡ, hoán cải tâm linh.

(b) Khi dấn thân như vậy, mỗi công dân phải biết trau dồi khả năng sư phạm của mình bằng chứng tá của một đời sống thánh thiện.

(c) Tín hữu chỉ có thể cải hóa trần thế bằng cách cải tiến sinh hoạt trong các lãnh vực văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị để thăng tiến đời sống của nhân thế. Mục đích tối hậu của chính trị là sửa trị các sinh hoạt nhân thế ngày càng trở nên nhân bản, chính trực.

(d) Qua thái độ nhập thế, người công dân ở trần gian đã thực thi ơn gọi và lý tưởng làm người. Làm chứng tá của Thượng Đế trước mọi người với một đời sống thánh thiện nhằm cải hoá nhân thế và điều hướng nhân thế. Qua thái độ nhập thế, người tín hữu thực thi lối sống làm chứng tá của Thiên Chúa trước mọi người với đời sống thánh thiện nhằm cải hoá và điều hướng nhân thế theo tinh thần "Nhất nhật bất niệm thiện, chư ác giai tự khởi". Một ngày mà không biết tự kiểm thảo thì mất cơ hội bồi ưu, bổ khuyết. Làm viêc lành được Thiên thần phù trợ, làm việc ác đuợc Ma vương cổ xúy.

(e) Con người được tạo dựng với khả năng bẩm sinh để xây dựng nhân quần xã hội trong tinh thần lá lành đùm lá rách, tương thân tương ái theo thánh ý của đấng Tạo Hoá. Sống với đức Tin (faith) mãnh liệt, đức Cậy (hope) vững vàng và đức Mến (love) bao la, với niềm tin tràn trề và xác tín vào nhận định chung của nhân thế qua xác tín: "Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhân". Mỗi khi nhiệm vụ ở trần thế mãn hạn, thế nhân sẽ được áo gấm hồi hương. Sinh ký, tử quy, hưởng phước đời đời nơi cõi phúc. Chúng ta sống trọn vẹn trong sứ mệnh làm người để xứng đáng với nhận định của Đức Giáo Hoàng Gioan XXIII:

"**Ki–tô hữu là nguồn vui cho chính mình, cho Thượng Đế và cho nhân loại –**
The Christian is a joy – a joy to himself, to God and a joy for other people"

V. Tạm kết

Tìm kiếm, gặp gỡ và sống theo giáo huấn của Thượng Đế là niềm hạnh phúc nhất trần gian. Cùng với Chúa Ki–tô, chúng ta sẽ dấn thân vào thực tại của đời sống trần thế. Ý thức được nhu cầu dấn thân vào trần thế và sinh hoa trái. Sống với những giáo lý và luân lý căn bản để trở thành Ki–tô hữu đích thực trong cuộc gặp gỡ riêng tư với Thiên Chúa và trong tình bạn với nhân thế, không phải để "một mình, mình biết một mình mình hay" mà phải được chia sẻ, bộc lộ ra bên ngoài thế giới là lĩnh vực đặc thù của giáo dân.

Làm quen với tha nhân, kết bạn, dẫn đưa bạn về với đời sống thánh thiện, **thực thi Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín, Từ bi, Hỉ xả**. **Thề lánh điều dữ, nguyện làm việc lành thì... thân sẽ không tật bệnh, tâm sẽ không phiền não**.

Đời sống Thánh Thiện là mục đích chung của mọi tôn giáo. Tôn giáo, hướng thiện nhân loại, là sự thăng hoa của nhân thế hướng dẫn nhân loại từ tình trạng hoang dã đến nền văn minh nhân bản và thánh thiện. Mặc dù Chủ nghĩa cộng sản là một trở lực quay ngược kim đồng hố, chủ trương đả phá tôn giáo, thúc đẩy nhân loại trở về đời sống hoang dã. May thay "Hoàng Thiên bất phụ hảo tâm nhân". Thế giới quốc gia hữu thần vẫn chiếm thế

thượng phong, tôn trọng nhân quyền, thực thi tự do tôn giáo của mọi người và những quyền căn bản của nhân loại trong tinh thần "Lấy nhân nghĩa thắng hung tàn. Đem chí nhân thay cường bạo".

Hãy giữ lấy niềm tin vì lòng tin chở được núi.

Trần Xuân Thời

*Nguồn: Internet eMail by **Trần Xuân Thời** chuyển*